| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **142**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2018
V/v: Tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Bà Bùi Lan Hương.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí

2. Ông Trần Chính - Cán bộ hưu trí

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Thành Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa:*** Bà Đặng Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2610/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXX-ST ngày 07/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 357/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Thùy T,** sinh năm 1992.
HKTT: 37, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên hệ: K4/64, phường B, TP. B, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Ông **Phạm Trung H,** sinh năm 1985.
Địa chỉ: 127/6, KP. 5, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai.
(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, còn ông H vắng mặt không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Trung H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T - TP. B - tỉnh Đồng Nai, là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không có sự áp đặt, cưỡng ép của gia đình. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian, sau đó đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Phạm Minh N, sinh ngày 27/8/2015. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, tạm thời không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Trung H: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Phạm Trung H vẫn vắng mặt không rõ lý do, còn bà Huỳnh Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thùy T và ông Phạm Trung H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tam Hiệp - TP. Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà T xét thấy: Theo bà T trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Về phía ông H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần

để làm việc, hòa giải nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T. Do ông H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Toà án không thể tiến hành hoà giải đoàn tụ được. Điều này cho thấy ông H cũng không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không cố gắng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể hàn gắn, đoàn tụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được động viên hòa giải nhiều lần nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông H. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T đã trầm trọng, cả hai đều không tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Ông H và bà T có 01 con chung là cháu Phạm Minh N, sinh ngày 27/8/2015. Nếu ly hôn, bà T xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyệt. Xét thấy cháu N hiện dưới 36 tháng tuổi còn được sự chăm sóc của mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Do bà T không yêu cầu nên tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà T khai không có nhưng do chưa có ý kiến của ông H về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí*:* Bà T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; Về con chung: Đề nghị giao cháu N cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung Đề nghị tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu; Về án phí: bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 ; Điều 235; Điều 238; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thùy T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thùy T được ly hôn với ông Phạm Trung H.

2.Về con chung: Giao cháu Phạm Minh N, sinh ngày 27/8/2015 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông H có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Bà T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 003708 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà T và ông H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – chủ toạ phiên toà**

**Nơi nhận**:
-Tòa án tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP.B;
-THADS TP.B;
-Các đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu (3).

**Bùi Lan Hương**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**